

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST  
Ngày 26-4-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hứa Quang Thông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phan Ngọc Thành
- Ông Nguyễn Hữu Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2022, đối với:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1988; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1967 và bà Võ Thị K, sinh năm 1963; có chồng Mai Văn H, sinh năm 1978 và 02 người con, lớn sinh năm 2003 và nhỏ sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 08, ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Công an huyện T.

Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Lê Thị H, sinh năm 1969, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**- Người làm chứng:** Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1987, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 13/01/2022, Lê Thị H ở trọ tại phòng số 01 của nhà trọ “C” thuộc ấp P, xã A, huyện T, rủ Nguyễn Ngọc P (ở trọ phòng số 10), Nguyễn Thị Bích C (ở trọ phòng số 02) đến trước phòng số 1 chơi. Sau đó, bà H vào phòng số 1 đi vệ sinh, P đi vào phòng số 1 tìm tìm sủa răng, P thấy 01 bóp loại nữ không kéo hết dây khóa, đang treo trên móc quần áo, bên trong có tiền loại mệnh giá 200.000 đồng, nên P dùng tay phải lấy cọc tiền trong bóp, cất giấu vào túi quần phía sau bên phải, loại quần Jean, đang mặc trên người, tiếp tục ra ngoài nói chuyện với bà H, bà C.

Khoảng 10 phút sau, P về phòng số 10 cất giấu số tiền trong túi nylon nhãn hiệu Kotex, để túi trên cục gạch ống, thùng nhựa loại thùng nước đá đặt lên trên. Một lúc sau, bà H phát hiện bị mất số tiền 10.000.000 đồng nên truy hô, báo Công an. Tại Công an xã A, P thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Vật chứng thu giữ: Tiền Việt Nam 10.000.000 đồng (12 tờ giấy bạc loại polime mệnh giá 500.000 đồng, 20 tờ giấy bạc loại polime mệnh giá 200.000 đồng); 01 bóp vải màu đen, đã qua sử dụng. Các vật chứng trên, thuộc quyền sở hữu của Lê Thị H, Cơ quan điều tra đã trao trả xong.

Tại Cáo trạng số: 15/CT-VKS-TN ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc P, phạm tội “Trộm cắp tài sản” mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm. Tình tiết tăng nặng: Không.

.Hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc P khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo

không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Sơ đồ hiện trường, Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường ngày 13/01/2022 của Công an huyện T; Tờ tự khai ngày 13/01/2022 của bị cáo; Lời khai bị hại, người làm chứng cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ, ngày 13/01/2022, tại phòng số 1 của nhà trọ “Công Nhân” thuộc ấp P, xã A, huyện T do bà Lê Thị H thuê, bị cáo Nguyễn Ngọc P phát hiện 01 bóp loại nữ không kéo hết dây khóa, bên trong có tiền, nên bị cáo P dùng tay phải lấy số tiền 10.000.000đồng trong bóp, cất giấu vào túi quần phía sau bên phải, mang về phòng trọ số 10 của bị cáo Phụng thuê cất giấu. Bị cáo Phụng thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 10.000.000đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo làm thuê nghề nghiệp không ổn định thu nhập thấp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phản nộ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn có

tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có quan hệ là mẹ nuôi của bị cáo và có đơn xin bãi nại, xin cho bị cáo hưởng án treo; bị cáo không biết chữ nhận thức pháp luật hạn chế, là lao động chính và đang nuôi 01 người con nhỏ đang là học sinh, không có chỗ ở đang ở nhà thuê; chồng bị cáo đã bỏ nhà đi hơn 5 năm nay không liên lạc được, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tài sản bị mất trộm là người thân nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cho bị cáo hưởng án treo giáo dục tại địa phương cũng đủ răn đe bị cáo trở thành công dân tốt là phù hợp theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại đủ tài sản bị mất trộm xong không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với Tiền Việt Nam 10.000.000 đồng (12 tờ giấy bạc loại polime mệnh giá 500.000 đồng, 20 tờ giấy bạc loại polime mệnh giá 200.000 đồng); 01 bốp vải màu đen, đã qua sử dụng. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Lê Thị H nhận lại xong nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/4/2022).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc Phượng cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

**2. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Ngọc P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**3. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Hứa Quang Thông**